

Số: 05/2007/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tốc độ và khoảng cách
của xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2007 và bãi bỏ Quyết định số 42/2005/QĐ-BGTVT ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về tốc độ và khoảng cách của xe cơ giới lưu hành trên đường bộ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải (Giao thông công chính) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Ủy ban ATGTQG;
- Cục CSGT Đường bộ - Đường Sắt;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam;

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng

- Lưu: VT, V.Tải (4).

QUY ĐỊNH

VỀ TỐC ĐỘ VÀ KHOẢNG CÁCH CỦA XE CƠ GIỚI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2007/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này quy định về tốc độ tối đa của xe cơ giới và khoảng cách tối thiểu giữa hai xe cơ giới khi tham gia giao thông trên đường bộ. Các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ (được quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Giao thông đường bộ) không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Người lái xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và khoảng cách tối thiểu giữa hai xe được ghi trên báo hiệu đường bộ; tại những đoạn đường không có báo hiệu đường bộ quy định về tốc độ, khoảng cách tối thiểu giữa hai xe, người lái xe cơ giới tham gia giao thông phải tuân thủ Quy định này.

Điều 3. Người lái xe phải điều khiển xe chạy với tốc độ và khoảng cách phù hợp với điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết để bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 4. Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường bộ trong khu vực đông dân cư bao gồm: Đường bộ nằm trong khu vực nội thành phố, nội thị xã và những đoạn đường bộ được xác định từ vị

trí có hiệu lực của biển báo hiệu “Bắt đầu khu đông dân cư” đến vị trí có hiệu lực của biển báo hiệu “Hết khu đông dân cư”.

2. Ôtô buýt là ô tô có từ 17 ghế trở lên, có diện tích sàn xe dành cho khách đứng và tham gia hoạt động theo loại hình kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt.

3. Ôtô chuyên dùng là ô tô có kết cấu và trang bị để thực hiện một chức năng, công dụng đặc biệt bao gồm: Ôtô chữa cháy; ô tô quét đường; ô tô hút chất thải; ô tô trộn vữa; ô tô trộn bê tông; ô tô bơm bê tông; ô tô cần cẩu; ô tô thang; ô tô khoan; ô tô kéo xe hỏng; ô tô chuyên dùng loại khác như ô tô truyền hình lưu động, ô tô đo sóng truyền hình lưu động, ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu, ô tô kiểm tra cáp điện ngầm, ô tô chụp X-quang, ô tô phẫu thuật lưu động ... (Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7271: 2003 Phương tiện giao thông đường bộ - Ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng).

Chương II

TỐC ĐỘ CỦA XE CƠ GIỚI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Người lái xe phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép đến mức không nguy hiểm (có thể dừng lại một cách an toàn) khi có một trong các trường hợp sau:

1. Có biển cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;
2. Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;
3. Qua nơi đường bộ giao nhau; nơi đường bộ giao cắt đường sắt; đường vòng; đường có địa hình quanh co, đèo dốc; đoạn đường mà mặt đường không êm thuận;
4. Qua cầu, cống hẹp; khi lên gần đỉnh dốc, khi xuống dốc;
5. Qua khu vực có trường học vào giờ học sinh đến trường và tan trường; khu vực có nhiều dân cư, nhà máy, công sở tập trung bên đường; khu vực đang thi công trên đường bộ; hiện trường xảy ra tai nạn giao thông;
6. Có súc vật đi trên đường hoặc ở gần đường không có rào chắn;
7. Tránh xe chạy ngược chiều hoặc khi cho xe chạy sau vượt;
8. Đến gần bến xe buýt, điểm dừng đỗ xe có khách đang lên, xuống xe;
9. Gặp đoàn xe ưu tiên; gặp xe quá khổ, quá tải, xe chở hàng nguy hiểm; vượt đoàn người đi bộ;

10. Trời mưa; có sương mù; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi.

Điều 6. Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ trong khu vực đông dân cư được quy định như sau:

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)
Ôtô chở người đến 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải dưới 3.500 kG.	50
Ôtô chở người trên 30 chỗ ngồi; ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kG trở lên; ô tô-sơ mi rơ moóc; ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; ô tô chuyên dùng; xe mô tô; xe gắn máy.	40

Điều 7. Tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư được quy định như sau:

Loại xe cơ giới đường bộ	Tốc độ tối đa (km/h)
Ôtô chở người đến 30 chỗ ngồi (trừ ô tô buýt); ô tô tải có trọng tải dưới 3.500 kG.	80
Ôtô chở người trên 30 chỗ ngồi (trừ ô tô buýt); ô tô tải có trọng tải từ 3.500 kG trở lên.	70
Ô tô buýt; ô tô-sơ mi rơ moóc; ô tô chuyên dùng; xe mô tô.	60
Ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; xe gắn máy.	50

Điều 8. Đối với các loại xe như máy kéo, xe công nông, xe lam, xe lôi máy, xe xích lô máy, xe ba gác máy, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự hiện đang được phép hoạt động, tốc độ tối đa không quá 30 km/h khi tham gia giao thông trên đường bộ.

Chương III

KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC XE CƠ GIỚI THAM GIA GIAO THÔNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 9. Khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi

có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

Điều 10. Trên đường cao tốc, trừ khi nhập làn và tách làn, người lái xe phải duy trì khoảng cách an toàn với xe đang chạy phía trước. Khi mặt đường khô ráo thì khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định như sau:

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
Đến 60	30
Trên 60 đến 80	50
Trên 80 đến 100	70
Trên 100 đến 120	90

Điều 11. Khi trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn thích hợp lớn hơn khoảng cách an toàn tối thiểu quy định tại Điều 10 Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện Quy định này.

Điều 13. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, lắp đặt đầy đủ các báo hiệu về tốc độ và khoảng cách, đặc biệt là biển báo hiệu “Bắt đầu khu đông dân cư” và biển báo hiệu “Hết khu đông dân cư” theo quy định của Điều lệ Báo hiệu đường bộ.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, Cục Đường bộ Việt Nam, các cơ quan quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính và lực lượng kiểm soát giao thông báo cáo kịp thời Bộ Giao thông vận tải những vướng mắc phát sinh để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng